

Số: /QĐ-VP

Thanh Hóa, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; bị bãi bỏ lĩnh vực Thủy lợi, Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thanh Hóa

CHÁNH VĂN PHÒNG UBND TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về việc hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 152/2025/QĐ-CTUBND ngày 18 tháng 12 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành Quy định về trình tự, thủ tục cấp phép đối với các hoạt động liên quan đến đê điều thuộc trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 154/2025/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc bãi bỏ Quyết định số 2850/2010/QĐ-UBND ngày 13 tháng 8 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành quy định về trình tự, thủ tục cấp giấy phép đối với các hoạt động liên quan đến đê điều trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 3617/QĐ-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc ủy quyền cho Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh công bố thủ tục hành chính, danh mục thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 1637/TTr-SNNMT ngày 29 tháng 12 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 01 thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai; 05 thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực Thủy lợi thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thanh Hóa (có Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường xây dựng quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính gửi Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh để xây dựng quy trình điện tử trước ngày 06/01/2026.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và bãi bỏ Quyết định số 373/QĐ-UBND ngày 29/01/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Thủy lợi thẩm quyền giải quyết của sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Thanh Hóa.

Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Cục Kiểm soát TTHC - VPCP (bản điện tử);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- PCT UBND tỉnh Lê Quang Hùng (để b/c);
- Cổng thông tin điện tử tỉnh (để đăng tải);
- Lưu: VT, HCC.

CHÁNH VĂN PHÒNG



Nguyễn Thế Anh

Phụ lục
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH; BỊ BÃI BỎ
LĨNH VỰC THỦY LỢI; QUẢN LÝ ĐÊ ĐIỀU VÀ PHÒNG,
CHỐNG THIÊN TAI THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH THANH HÓA
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-VP ngày tháng năm
của Chánh Văn phòng UBND tỉnh Thanh Hóa)

PHẦN A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH

Stt	Mã hồ sơ TTHC trên Cổng DVCQG	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH			
1	1.014598	Cấp phép đối với các hoạt động liên quan đến đê điều thuộc trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ

Stt	Tên thủ tục hành chính (Mã hồ sơ TTHC)	Tên văn bản QPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH		
Lĩnh vực Thủy lợi		
1	Cấp Giấy phép sử dụng đê, kè bảo vệ đê, cống qua đê làm nơi neo đậu tàu, thuyền, bè, mảng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa (1.006666).	Quyết định số 154/2025/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc bãi bỏ Quyết định số 2850/2010/QĐ-UBND ngày 13 tháng 8 năm 2010 của Ủy ban
2	Cấp Giấy phép nạo vét luồng, lạch trong phạm vi bảo vệ đê điều trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa (1.006668).	
3	Cấp Giấy phép đắp vật liệu, đào ao, giếng ở bãi sông trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa (1.006669).	

Stt	Tên thủ tục hành chính (Mã hồ sơ TTHC)	Tên văn bản QPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
4	Cấp Giấy phép xây dựng công trình ngầm, khoan đào để khai thác nước ngầm trong phạm vi một kilomet (1km) tính từ biên ngoài phạm vi bảo vệ đê điều trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa (1.006671).	nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành quy định về trình tự, thủ tục cấp giấy phép đối với các hoạt động liên quan đến đê điều trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.
5	Cấp Giấy phép cắt xẻ đê để xây dựng công trình; xây dựng công qua đê, khoan đào trong phạm vi bảo vệ đê điều và xây dựng công trình đặc biệt (công trình quốc phòng - an ninh, giao thông, thông tin liên lạc, công trình ngầm phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, hệ thống giếng khai thác nước ngầm, cửa khẩu qua đê, trạm bơm, âu thuyền, di tích lịch sử văn hoá, khu phố cổ, làng cổ, cụm tuyến dân cư sống chung với lũ và trên các cù lao) trong phạm vi bảo vệ đê điều, bãi sông, lòng sông trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa (1.006672).	

PHẦN B. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Thủ tục: Cấp phép đối với các hoạt động liên quan đến đề điều thuộc trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

1.1. Trình tự thực hiện:

a) *Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:* Trong giờ hành chính các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ, ngày lễ, tết theo quy định).

b) *Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:*

- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thanh Hóa (Số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa).

- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thuộc UBND cấp xã tỉnh Thanh Hóa (*thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả không phụ thuộc vào địa giới hành chính*).

- Nộp trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia (*một phần*) tại địa chỉ: <https://dichvucong.gov.vn>.

c) *Trình tự thực hiện:*

- Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép đối với các hoạt động liên quan đến đề điều chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định tại Quyết định số 152/2025/QĐ-CTUBND ngày 18/12/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành Quy định về trình tự, thủ tục cấp phép đối với các hoạt động liên quan đến đề điều thuộc trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa; nộp hồ sơ (trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích) tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thanh Hóa hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã (*thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả không phụ thuộc vào địa giới hành chính*).

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Chi cục Thủy lợi có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ, tham mưu cho Sở Nông nghiệp và Môi trường thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế hiện trường nếu cần thiết.

+ Trường hợp đủ điều kiện để cấp giấy phép thì Chi cục Thủy lợi tham mưu cho Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Chủ tịch UBND tỉnh cấp giấy phép.

Trường hợp cấp phép cho những hoạt động quy định tại các điểm a, b, c và h khoản 1 Điều 25 Luật Đề điều đối với đề cấp đặc biệt, đề cấp I, đề cấp II, đề cấp III, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm tham mưu trình Chủ tịch UBND tỉnh xin ý kiến chấp thuận bằng văn bản của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

+ Trường hợp không đủ điều kiện để cấp giấy phép, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Chi cục Thủy lợi tham mưu cho Sở Nông nghiệp và Môi trường có văn bản trả lời tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép, trong đó nêu rõ lý do.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày Chủ tịch UBND tỉnh nhận được hồ sơ trình cấp phép của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định cấp giấy phép hoặc trả lời bằng văn bản đối với những trường hợp chưa đủ điều kiện để cấp giấy phép hoặc không cấp giấy phép.

Trường hợp cấp phép cho những hoạt động quy định tại các điểm a, b, c và h khoản 1 Điều 25 Luật Đê điều đối với đê cấp đặc biệt, đê cấp I, đê cấp II, đê cấp III: Trong thời hạn 05 ngày làm việc sau khi có ý kiến của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định cấp giấy phép hoặc trả lời bằng văn bản đối với trường hợp chưa đủ điều kiện để cấp giấy phép hoặc không cấp giấy phép.

1.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

* Đối với các hoạt động: Cát xẻ đê để xây dựng công trình trong phạm vi bảo vệ đê điều; khoan, đào trong phạm vi bảo vệ đê điều; xây dựng cống qua đê, xây dựng công trình đặc biệt trong phạm vi bảo vệ đê điều, bãi sông, lòng sông; nạo vét luồng lạch trong phạm vi bảo vệ đê điều; xây dựng công trình ngầm, khoan, đào để khai thác nước ngầm trong phạm vi 1 kilômét tính từ biên ngoài của phạm vi bảo vệ đê điều, thành phần hồ sơ gồm:

- Văn bản của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Quyết định số 152/2025/QĐ-CTUBND ngày 18/12/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa (bản chính).

- Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư công trình/dự án (bản sao).

- Quyết định phê duyệt dự án đầu tư hoặc Quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình/dự án (bản sao).

- Hồ sơ thiết kế đã được phê duyệt, gồm: Tài liệu khảo sát địa hình, địa chất (bình đồ hiện trạng; cắt dọc, cắt ngang; báo cáo kết quả khảo sát); thuyết minh thiết kế, bản vẽ thiết kế, bản vẽ mặt bằng tổng thể khu vực tiến hành các hoạt động đề nghị cấp giấy phép, các mặt cắt đại diện trong đó thể hiện rõ những nội dung liên quan đến đê điều khi xây dựng công trình (bản sao).

- Báo cáo đánh giá ảnh hưởng của các hoạt động đề nghị cấp giấy phép đến việc vận hành và an toàn của công trình đê điều, bãi sông, lòng sông; các biện pháp khắc phục ảnh hưởng. Nếu hoạt động có thể làm giảm khả năng thoát lũ, tăng mực nước lũ thiết kế trên sông, ảnh hưởng đến chế độ dòng chảy, xói lở các khu vực lân cận, ổn định công trình đê điều (gọi chung là mức độ ảnh hưởng) thì phải có các tài liệu sau: Khảo sát, tính toán mức độ ảnh hưởng; kết quả thăm tra của đơn vị tư vấn độc lập về mức độ ảnh hưởng; ý kiến bằng văn bản của các cơ quan chức năng liên quan (bản sao).

- Tiến độ thi công của các hạng mục đề nghị cấp giấy phép do chủ đầu tư phê duyệt (bản sao).

- Văn bản khác của các cấp, các ngành tham gia ý kiến về các hạng mục đề nghị cấp giấy phép (nếu có) (bản sao).

* Đối với các hoạt động: Sử dụng đê, kè bảo vệ đê, cống qua đê làm nơi neo đậu tàu, thuyền, bè, mảng; để vật liệu, đào ao, giếng ở bãi sông, thành phần hồ sơ gồm:

- Văn bản của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Quyết định số 152/2025/QĐ-CTUBND ngày 18/12/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa (bản chính).

- Bản vẽ mặt bằng tổng thể khu vực tiến hành các hoạt động đề nghị cấp giấy phép; các mặt cắt đại diện trong đó thể hiện rõ những nội dung liên quan đến đê điều khi xây dựng công trình (bản sao).

- Tiến độ thi công của các hạng mục đề nghị cấp giấy phép do chủ đầu tư phê duyệt (bản sao).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

1.4. Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Tổ chức, cá nhân thực hiện trình tự, thủ tục cấp phép đối với các hoạt động liên quan đến đê điều thuộc trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường.
- Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, đơn vị liên quan.

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Quyết định cấp giấy phép hoặc văn bản trả lời đối với trường hợp chưa đủ điều kiện để cấp giấy phép.

1.8. Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Tờ trình đề nghị cấp giấy phép đối với các hoạt động liên quan đến đề điều (Mẫu số 01 ban hành kèm theo Quyết định số 152/2025/QĐ-CTUBND ngày 18 tháng 12 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa).

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đề điều số 79/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đề điều số 60/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

- Quyết định số 152/2025/QĐ-CTUBND ngày 18 tháng 12 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành Quy định về trình tự, thủ tục cấp phép đối với các hoạt động liên quan đến đề điều thuộc trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

(Mẫu đơn, mẫu tờ khai của TTHC: Có)

Mẫu số 01

MẪU TỜ TRÌNH ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP ĐỐI VỚI CÁC HOẠT ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN ĐÊ ĐIỀU

(Kèm theo Quyết định số 152/2025/QĐ-CTUBND ngày 18 tháng 12 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC (1)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ... (2) ...

... (3) ..., ngày ... tháng ... năm ...

TỜ TRÌNH

Đề nghị cấp giấy phép ... (4) ...

Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép:

Số CCCD (đối với cá nhân)/Mã số thuế (đối với cơ quan, tổ chức):

Địa chỉ:

Số điện thoại: Email:

Đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa xem xét, cấp giấy phép ... (4) ..., gồm các nội dung chính như sau:

1. Tên hoạt động liên quan đến đê điều đề nghị cấp giấy phép:

2. Chủ đầu tư (đại diện chủ đầu tư):

3. Vị trí:

4. Quy mô và các giải pháp kỹ thuật chủ yếu:

5. Thời gian thi công/hoạt động liên quan đến đê điều: Từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm ...

Thành phần hồ sơ gửi kèm theo:

.....
.....
.....
.....
.....

... (5) ... đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa xem xét, giải quyết./.

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Họ và tên

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan, tổ chức đề nghị cấp giấy phép (cá nhân đề nghị cấp giấy phép không ghi tên ở đây)
- (2) Số văn bản (không áp dụng cho cá nhân đề nghị cấp giấy phép)
- (3) Địa danh
- (4) Tên cụ thể các hoạt động liên quan đến đề điều đề nghị cấp giấy phép
- (5) Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép./.